

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG



THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học: 2023-2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày. Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 0,02 % suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 0,05%, không chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày. Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 0,03% suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 0,25 %, không chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 51/TT- BDGDĐT- GDMN ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư 28/2009/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của CTGDMN ban hành kèm theo TT 17/2009/TT-BGDĐT	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Trẻ đạt yêu cầu về các lĩnh vực phát triển như: Lĩnh vực thể chất, lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thẩm mỹ và lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội theo Chương trình giáo dục mầm non	
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trẻ được hỗ trợ tất cả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trong ngày từ lúc đón trẻ, thể dục sáng, hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, ăn trưa, ngủ trưa, hoạt động chiều, ăn phụ chiều và trả trẻ	

Tây Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Hạnh

Biểu mẫu 02

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	256			42	67	70	77
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	256			42	67	70	77
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	256			42	67	70	77
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	256			42	67	70	77
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	256			42	67	70	77
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng BT	245			38	65	68	74
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	7						
3	Số trẻ có chiều cao BT	245						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7						

5	Số trẻ thừa cân	2				1		1
6	Số trẻ béo phì	2				1		1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	256			42	67	70	77
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	42			42			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	214				67	70	77

Tây Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Hạnh

Biểu mẫu 03

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học: 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	1,5 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường(m²)	5100 m ²	19.92 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	700 m ²	2,73 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung(m ²)	600m ²	2.34 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ(m ²)	600m ²	2.34 m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh(m ²)	80 m ²	0.312 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi(m ²)	250 m ²	0.97 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất(m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60 m ²	0.23 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	45 m ²	0.17 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	94	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	60	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy tính, máy in v.v...)	10	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		

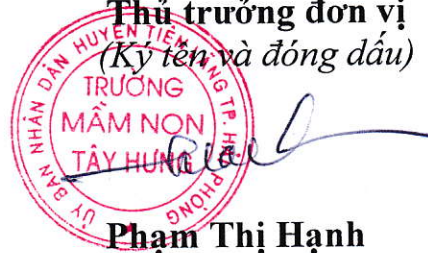
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung (NT)	Nam/Nữ (MG)	Chung (NT)	Nam/Nữ (MG)
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	16 m ²	16 m ²	m ²	0,38m ² /trẻ	0,3 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
XVII	Cổng trường	x	

Tây Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Hạnh

Biểu mẫu 04

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học: 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số CBQLGVNV	29			22	3	2	2	4	6	11	13	7	1	
I	Giáo viên	19			18		1								
1	NT	4			4				1	2	1				
2	MG	15			14		1		3	2	9				
II	CBQL	3			3					1	2	3			
1	HT	1			1						1	1			
2	PHT	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên	7			1	3	1	2							
1	Kế toán	1			1										
2	Nhân viên nấu ăn	5				3	1	1							
2	Nhân viên bảo vệ lao công	1						1							

Tây Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Hạnh

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG MN TÂY HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH CÁC KHOẢN THU - CHI **Năm học 2023 - 2024**

I. Các khoản thu theo quy định

1. Học phí:

Thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND TP Hải Phòng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nhà trẻ: 100.000đ/1 cháu/tháng
- Mẫu giáo: 100.000đ/1 cháu/tháng

II. Các khoản thu dịch vụ

A. Đối với các khoản thu phục vụ tổ chức bán trú

1. Tiền ăn bán trú

- 1.1. Tiền ăn: 20.000đ/trẻ/ngày
- 1.2. Tiền chất đốt (ga): thu 2.000đ/trẻ/ngày. (Thu đủ bù chi trên số ngày thực ăn của trẻ theo hóa đơn tiêu thụ)

2. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ ăn bán trú:

- 2.1. Đối với trẻ tuyển mới: 300.000đ/trẻ/năm
- 2.2. Đối với trẻ học tiếp theo: 200.000đ/trẻ/năm.

B. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú

1. Khoản thu hỗ trợ người nấu ăn: Từ 60.000đ/trẻ/tháng-65.000đ/trẻ/tháng (Chỉ hỗ trợ cho nhân viên, người lao động trực tiếp nấu ăn, nhà trường thực hiện miễn cho trẻ thuộc diện chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn khi nộp giấy xác nhận của các cấp có thẩm quyền về nhà trường làm căn cứ.)

2. Quản lý học sinh ngoài giờ buổi trưa: 5.000đ/trẻ/giờ x 2 giờ/ngày (thu theo số ngày trẻ ở lại thêm giờ).

3. Thu ngày thứ 7: 35.000đ/trẻ/ngày (cháu nào có nhu cầu gửi trẻ thứ 7 gia đình làm đơn gửi về nhà trường). Với khoản thu này, phụ huynh đăng ký cho con học theo tháng, nhà trường thu tiền theo tháng, căn cứ theo số ngày nhà trường thực làm trong tháng.

Lưu ý chỉ trừ cho các cháu nghỉ ốm có giấy ra viện, không trừ cho các cháu nghỉ tự do

III. Kinh phí hoạt động BDDCMHS lớp



Do Ban đại diện cha mẹ trẻ dự thu và dự chi theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Kinh phí hội phụ huynh học sinh do phụ huynh tự nguyện ủng hộ nhằm phục vụ cho hoạt động của lớp, trích hỗ trợ Kinh phí của Ban đại diện cha mẹ trẻ toàn trường. Bao gồm các khoản phục vụ cho hoạt động của lớp, của hội, các ngày hội của trẻ.

IV. KẾ HOẠCH CHI CỤ THỂ

A. Nguồn thu theo quy định

1. Học phí: Thực hiện nộp ngân sách nhà nước chi lương cho CBGVNV

B. Các khoản thu dịch vụ

I. Đối với các khoản thu phục vụ tổ chức bán trú

1. Tiền ăn bán trú

1.1. Tiền ăn: 20.000đ/trẻ/ngày (Thu và thanh toán theo tháng căn cứ theo số ngày thực ăn của trẻ)

1.2. Tiền chất đốt (ga): thu 2.000đ/trẻ/ngày. (Thu đủ bù chi trên số ngày thực ăn của trẻ theo hóa đơn tiêu thụ)

2. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ ăn bán trú:

- Đối với trẻ tuyển mới: 300.000đ/trẻ/năm

- Đối với trẻ học tiếp theo: 200.000đ/trẻ/năm

Dự kiến mua bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú: Khăn mặt trẻ, chiếu, gối, giấy vệ sinh, xà phòng, nước lau nhà, cốc uống nước...

II. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú

1. Hỗ trợ người nấu ăn, trông trưa, công tác quản lý

Thu Từ 60.000đ/trẻ/tháng-65.000đ/trẻ/tháng

(Trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo, cận nghèo miễn thu)

- Kế hoạch chi: Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn theo mức lương tối thiểu vùng hiện tại, hỗ trợ tiền làm ngoài giờ cho nhân viên, chi công tác quản lý, 2% nộp thuế.

2. Quản lý học sinh ngoài giờ buổi trưa

- Dự kiến thu :

256 cháu x 10.000đ/ngày/trẻ x 22 ngày/tháng x 9 tháng = 506.880.000đ

- Dự kiến chi:

+ 75% chi cho GV trực tiếp trông trẻ ngoài giờ buổi trưa = 380.160.000đ

+ 2% nộp thuế theo quy định = 10.137.600đ

+ 15% công tác quản lý (Trong đó: HT= 5%, 2PHT= 7,0%, KT= 2,0%,

TQ= 1,0 %) = 76.032.000đ

+ 8% chi phúc lợi, chi khác = 40.550.400đ

3. Thu ngày thứ 7

100 cháu x 35.000đ/trẻ/ngày x 4 ngày/tháng x 9 tháng = 126.000 000 đ

- Dự kiến chi:

+ 75% chi cho GV trực tiếp trông trẻ ngoài giờ buổi trưa = 94.500.000đ

+ 2% nộp thuế theo quy định = 2.520.000đ

+ 15% công tác quản lý (Trong đó: HT= 5%, 2PHT= 7,0%, KT= 2,0%, TQ= 1,0 %) = 18.900.000đ

+ 8% chi phúc lợi, chi khác = 10.080.000đ

III. Kinh phí hoạt động BDDCMHS lớp

Kinh phí hội phụ huynh học sinh do phụ huynh tự nguyện ủng hộ nhằm phục vụ cho hoạt động của lớp, trích hỗ trợ kinh phí của ban đại diện cha mẹ trẻ toàn trường. Bao gồm các khoản phục vụ cho hoạt động của lớp, của hội, các ngày hội của trẻ.

Sau khi tổng hợp được kinh phí các lớp ủng hộ, Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường sẽ thống nhất ý kiến, đề trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Ban giám hiệu để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí ủng hộ.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/c);
- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Phòng TC-KH (để b/c);
- Lưu: TC, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hạnh

